

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 194/2025/HNGĐ-ST
Ngày 25-6-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Mỹ Lì

Ông Duyên Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị C, sinh năm 1966 (xin vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1960 (vắng mặt)

Cùng cư trú: Khóm H, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Thị C trình bày:

Về hôn nhân: Bà Lê Thị C và ông Lê Văn T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1989, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau ngày 07/9/2006. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt hằng ngày dẫn đến thường xuyên cự cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Nay bà C yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Lê Chí T1 (nam), sinh năm 1990 và Lê Tuyết N (nữ), sinh năm 1993. Hiện nay các con đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà C tự thỏa thuận với ông T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà C xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Lê Văn T đúng theo quy định pháp luật, nhưng ông T không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 09/5/2025, nguyên đơn bà Lê Thị C có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt đúng theo quy định pháp luật; bị đơn ông Lê Văn T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà C và ông T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị C và ông Lê Văn T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau vào ngày 07/9/2006 đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông T được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị C, thấy rằng: Hiện nay bà C không còn tình cảm yêu thương ông T và quyết tâm mong muốn được ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, ông T vắng mặt, không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ vợ chồng với bà C. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà C và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Trường hợp tiếp tục chung sống với ông T sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà C được ly hôn với ông T.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Lê Chí T1 (nam), sinh năm 1990 và Lê Tuyết N (nữ), sinh năm 1993, hiện nay đã trưởng thành và tạo lập gia đình riêng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của bà C.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm

2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị C ly hôn với ông Lê Văn T.

2. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Ngày 14/4/2025, bà Lê Thị C đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tại Biên lai số 0005465 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND thị trấn S, huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Minh Út